

Bản án số: 284/2026/HS-PT
Ngày 18-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Vân Thúy và ông Phạm Văn Hợp

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 225/2026/TLPT-HS, ngày 28 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo **Lưu Thị N** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2026/HS-ST, ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng.

Bị cáo có kháng cáo: **Lưu Thị N**, sinh ngày 19/4/1993 tại Hưng Yên; số CCCD 034193008878; Nơi cư trú: **Căn hộ S, nhà C H, thôn H, phường H thành phố Hải Phòng**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lưu Đình Q** và bà **Vũ Thị T**; có chồng là **Nguyễn Thái C** và có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo tại ngoại, hiện có mặt tại phiên tòa.

Bị hại kháng cáo: Chị **Chu Thị D**, sinh năm 1987; Địa chỉ: **Thôn L, xã V, thành phố Hải Phòng**; có mặt.

Bị hại không kháng cáo: Ông **Wu X**, sinh năm 1975; Địa chỉ: **Thôn L, xã V, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt.

Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị X1**, sinh năm 1964; Địa chỉ: **Tổ dân phố A, phường L, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11/2023, chị **Chu Thị D**, sinh năm 1987, nơi cư trú tại **thôn L, xã V, thành phố Hải Phòng** có thuê **Lưu Thị N** làm kế toán nội bộ (không ký hợp đồng

lao động) cho Công ty TNHH Đ. Công ty trên do ông Wu X, sinh năm 1975, Quốc tịch Trung Quốc góp vốn cùng chị D thành lập, điều hành, hoạt động. Tháng 12/2023, chị D nhờ N đứng tên đại diện theo pháp luật của Công ty G (không thay đổi chủ sở hữu) đang có trụ sở hoạt động tại địa bàn quận L, thành phố Hải Phòng để thuận tiện trong các thủ tục kế toán, kê khai thuế và xuất hóa đơn.

Do có ý định chiếm đoạt tài sản là tiền của chị D và ông Wu X, nên Lưu Thị N thuê người môi giới (chưa rõ lai lịch) để thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi cả chủ sở hữu và người đại diện pháp luật của Công ty G từ chị Chu Thị D sang Lưu Thị N mà không thông báo cho chị D, ông W Xin biết. Hồ sơ thay đổi đăng ký doanh nghiệp của Công ty G do người môi giới chuẩn bị, N tự ký giả chữ ký của chị D rồi giao toàn bộ hồ sơ cho người môi giới thực hiện thủ tục. Ngày 20/12/2023, Sở K cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 1) Công ty G với thông tin chủ sở hữu và người đại diện pháp luật là Lưu Thị N. Thực tế, ông Wu X và chị D vẫn là người sở hữu, quyết định, điều hành mọi hoạt động của Công ty G. N không góp vốn, không sở hữu, không được giao quyền quản lý bất kỳ tài sản nào thuộc Công ty G.

Tiếp đó, Lưu Thị N tư vấn cho ông Wu X và chị D thuê nhà xưởng tại khu vực thôn G, xã T, huyện T (nay thuộc phường T), thành phố Hải Phòng để chuyển trụ sở hoạt động của Công ty TNHH G từ địa chỉ tại địa bàn quận L, Hải Phòng về địa bàn phường T, Hải Phòng. Ông Wu X và chị D đồng ý. Đầu tháng 12/2023, N gặp bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1964, trú tại tổ dân phố A, phường L, thành phố Hải Phòng, N giới thiệu mình là Giám đốc Công ty TNHH G để thỏa thuận thuê nhà xưởng tại của bà X1. Bà X1 đồng ý cho N thuê nhà xưởng với giá 25.000.000 đồng/tháng và đặt cọc 75.000.000 đồng để xây sửa nhà xưởng theo yêu cầu của N.

Với ý định chiếm đoạt tài sản là tiền của ông Wu X và chị D từ trước, N đã trao đổi với ông Wu X và chị D về việc bà X1 đồng ý cho thuê nhà để làm trụ sở hoạt động của Công ty TNHH G với giá 25.000.000 đồng/tháng, yêu cầu đặt cọc 75.000.000 đồng và phải thanh toán trước 01 năm tiền thuê nhà với số tiền là 300.000.000 đồng. Nhưng thực tế, bà X1 không yêu cầu N phải thanh toán tiền thuê nhà trước 01 năm, mà có thể thanh toán từ 01 tháng đến 06 tháng. Mục đích N đưa ra thông tin sai sự thật như trên để chị D và ông W Xin tin tưởng đưa cho N số tiền 300.000.000 đồng. Đồng thời, để tạo sự tin tưởng, N còn nói dối ông Wu X và chị D về việc bà X1 có mối quan hệ với nhiều quan chức, sẽ hỗ trợ các thủ tục pháp lý khi thuê nhà.

Ngày 23/12/2023, ông Wu X trực tiếp đưa số tiền 500.000.000 đồng cho N; trong đó: 75.000.000 đồng là tiền đặt cọc thuê nhà, 125.000.000 đồng là tiền chi phí liên quan đến Công ty TNHH Đ và 300.000.000 đồng là tiền 01 năm thuê nhà của bà X1. Sau khi nhận được tiền từ ông Wu X, N chỉ đưa cho bà X1 75.000.000 đồng tiền đặt cọc thuê nhà, chi phí các hoạt động của Công ty TNHH Đ 125.000.000 đồng, số tiền còn lại 300.000.000 đồng, N đã tự chi tiêu cá nhân hết và không thanh toán trả 01 năm tiền thuê nhà của bà X1.

Sau khi bàn giao nhà cho N, bà X1 nhiều lần yêu cầu N ký hợp đồng thuê nhà và thanh toán tiền thuê nhà nhưng N liên tục tìm lý do trì hoãn, không gặp bà X1. Ngày 23/4/2024, bà X1 đến Văn phòng Công ty TNHH D để tìm N. Tại đây, bà X1 đã gặp được chị D, ông Wu X và N thì N thừa nhận đã chiếm đoạt 300.000.000 đồng trong tổng số 500.000.000 đồng mà ông Wu X đã đưa. Số tiền chiếm đoạt được, N đã chi tiêu cá nhân hết mà không thanh toán tiền thuê nhà 01 năm của Công ty TNHH G cho bà X1. Vụ án được điều tra làm rõ.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Wu X và chị Chu Thị D yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 300.000.000 đồng đã chiếm đoạt. Bị cáo đã bồi thường trả bị hại được số tiền 41.000.000 đồng, bị hại yêu cầu bị cáo N phải bồi thường tiếp số tiền 259.000.000 đồng và đề nghị xử lý bị cáo nghiêm theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2026/HS-ST ngày 25/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 174; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lưu Thị N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Lưu Thị N 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt bị cáo đi thi hành án. Ngoài ra Bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và các đương sự khác.

Ngày 05/6/2026, bị cáo N có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10/7/2026, bị hại chị D có đơn kháng cáo đề nghị được tham gia phiên tòa để xem xét lại bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Hiện bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật nên chưa có tiền trả cho bị hại để khắc phục hậu quả, đề nghị được trả dần số tiền đã chiếm đoạt. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại đề nghị HĐXX xem xét giải quyết về trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Đề nghị bị cáo phải trả hết số tiền đã chiếm đoạt.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm; đối với kháng cáo của bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại. Về án phí: Bị cáo N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị hại D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo, bị hại kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Do bị cáo **Lưu Thị N** có ý định chiếm đoạt số tiền của bị hại là ông **Wu X**, chị **Chu Thị D** từ trước để trả nợ, chỉ tiêu cá nhân nên tháng 12/2025, bị cáo **Lưu Thị N** đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối về việc chủ nhà là bà **Nguyễn Thị X1** yêu cầu phải thanh toán tiền thuê nhà trước 01 năm để bị hại là ông **Wu X** và chị **Chu Thị D** tin tưởng, đưa số tiền là 300.000.000 đồng. Sau khi bị hại đưa tiền, bị cáo **Lưu Thị N** đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội danh và Điều luật như trên là có căn cứ pháp luật. Về tội danh, không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên HĐXX không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, HĐXX xét thấy: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp bản sao Kỷ niệm chương bảo vệ an ninh tổ quốc của bố bị cáo, các bản sao Huân, Huy chương của ông bị cáo, do vậy HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo. Tuy nhiên xét thấy cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 8 năm tù là phù hợp, bị cáo cũng không trả thêm tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại. Căn cứ a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2026/HS-ST ngày 25/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng đối với bị cáo **N** về phần hình phạt.

[4] Đối với kháng cáo của bị hại, HĐXX xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại là chị **D** đã được trình bày quan điểm tại phiên tòa, về tội danh và mức hình phạt đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, về mức bồi thường thiệt hại chị **D** không có ý kiến gì, chỉ đề nghị bị cáo phải trả tiền cho bị hại. Với nội dung này, HĐXX xét thấy cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo còn phải bồi thường nốt số tiền 259.000.000 đồng và phải chịu lãi chậm trả như vậy là phù hợp, đúng pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Chị **D** kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo **N** kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử: Chấp nhận kháng cáo của chị **Chu Thị D.**

Không nhận kháng cáo của bị cáo **Lưu Thị N.** Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2026/HS-ST, ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng về phần hình phạt.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 174; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Lưu Thị N 08 (T1)** năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **Lưu Thị N** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- PV 06 Công an TP Hải Phòng;
- TAND khu vực 1 - Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hải Phòng;
- Phòng GĐ,KT,TT&THA TAND TP Hải Phòng;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tân